

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU NĂM 2021 (LẦN 1)
GÓI THẦU SỐ 05: VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN
(Đính kèm Quyết định số 1576/QĐ-SYT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế Đồng Nai)
SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Nguồn gốc	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Đường dùng	Tiêu chuẩn chất lượng	Số đăng ký/ Số PPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	25	2	Bạch linh	Poria	B	nấm rễ thông	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	80	310.000	24.800.000	3
2	26	2	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Poria	B	nấm rễ thông	Dược liệu chế	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	200	310.000	62.000.000	3
3	27	2	Bạch linh(gọt vỏ thái phiến)	Poria	B	nấm rễ thông	Dược liệu sấy khô	Uống	ĐBVN V	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	500	310.000	155.000.000	3
4	30	2	Bạch thược	Radix Paeoniae lactiflorae	B	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	810	248.000	200.880.000	3
5	31	2	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	B	thân rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	220	271.250	59.675.000	3
6	32	2	Bạch truật chế	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	B	thân rễ	Dược liệu chế	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	40	278.000	11.120.000	3
7	33	2	Bạch truật chích rượu	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	B	thân rễ	chích rượu	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	80	285.000	22.800.000	3
8	34	2	Bạch truật sao	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	B	thân rễ	sao cám mật ong	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	410	288.000	118.080.000	3
9	42	2	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	B	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	680	217.000	147.560.000	3
10	43	2	Cam thảo.	Radix Glycyrrhizae	B	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	30	217.000	6.510.000	3
11	44	2	Cam thảo chích mật	Radix Glycyrrhizae	B	rễ	Chích mật	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	140	275.000	38.500.000	3
12	45	2	Cam thảo sao vàng	Radix Glycyrrhizae	B	rễ	Sao vàng	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	450	285.000	128.250.000	3

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Nguồn gốc	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Đường dùng	Tiêu chuẩn chất lượng	Số đăng ký/ Số PPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
13	50	2	Câu kỷ tử	Fructus Lycii	B	quả	Dược liệu chế	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	740	302.250	223.665.000	3
14	51	2	Cầu tích	Rhizoma Cibotii	N	thân rễ	Thái phiến	Uống	TCCS		Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	720	75.000	54.000.000	3
15	64	2	Đại táo	Fructus Ziziphi jujubae	B	quả	Dược liệu chế	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	1.430	105.000	150.150.000	3
16	66	2	Đan sâm	Radix Salviae miltiorrhizae	B	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	370	263.500	97.495.000	3
17	67	2	Đảng sâm	Radix Codonopsis	B	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	960	558.000	535.680.000	3
18	77	2	Đỗ trọng	Cortex Eucommiae	B	vỏ thân	Dược liệu chế	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	1.197	155.000	185.535.000	3
19	78	2	Đỗ trọng chích muối	Cortex Eucommiae	B	vỏ thân	Chích muối	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	110	175.000	19.250.000	3
20	79	2	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	B	Rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	867	210.000	182.070.000	3
21	89	2	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis	N	thân rễ	Thái phiến	Uống	TCCS		Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	110	139.500	15.345.000	3
22	90	2	Hoài sơn sao vàng	Tuber Dioscoreae persimilis	N	thân rễ	sao cám	Uống	TCCS		Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	350	145.000	50.750.000	3
23	93	2	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Radix Astragali membranacei	B	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	390	226.500	88.335.000	3
24	94	2	Hoàng kỳ chích mật	Radix Astragali membranacei	B	rễ	chích mật	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	350	315.000	110.250.000	3
25	110	2	Kiểm thực	Semen Euryales	B	hạt	sao vàng	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	50	315.000	15.750.000	3
26	111	2	Kiểm thực sao vàng	Semen Euryales	B	hạt	sao vàng	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	20	315.000	6.300.000	3

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Nguồn gốc	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Đường dùng	Tiêu chuẩn chất lượng	Số đăng ký/ Số PPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
27	115	2	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	B	thân rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	307	1.570.000	481.990.000	3
28	127	2	Long nhãn	Arillus Longan	N	cùi nhãn	Sấy	Uống	TCCS		Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	590	209.250	123.457.500	3
29	133	2	Mẫu đơn bì	Cortex Paconiae suffruticosae	B	Vỏ rễ	Sơ chế phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	210	315.000	66.150.000	3
30	143	2	Ngưu tất	Radix Achyranthis bidentatae	N	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS		Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	680	184.500	125.460.000	3
31	164	2	Sơn thù	Fructus Corni officinalis	B	quả	Sơ chế	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	180	335.000	60.300.000	3
32	165	2	Sơn thù chung	Fructus Corni officinalis	B	quả	Chung rượu	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	120	335.000	40.200.000	3
33	169	2	Tân giao	Radix Gentianae macrophyllae	B	Rễ	Dược liệu chế	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Dược liệu chế	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	780	465.000	362.700.000	3
34	175	2	Táo nhân sao đen	Semen Ziziphi mauritanae	B	nhân hạt	sao đen	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Dược liệu chế	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	240	745.000	178.800.000	3
35	186	2	Thương truật	Rhizoma Atractylodis	B	thân rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	83	713.000	59.179.000	3
36	187	2	Thương truật sao vàng	Rhizoma Atractylodis	B	thân rễ	Sao vàng	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	24	713.000	17.112.000	3
37	201	2	Tục đoạn	Radix Dipsaci	N	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS		Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	670	310.000	207.700.000	3
38	205	2	Viễn chí	Radix Polygalae	B	rễ	Thái phiến	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	67	1.085.000	72.695.000	3
39	206	2	Viễn chí sao vàng	Radix Polygalae	B	rễ	sao vàng	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	280	1.250.000	350.000.000	3
40	209	2	Xích thược	Radix Paconiae	B	Rễ	Sơ chế	Uống	TCCS	1813/BYT-YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	237	279.000	66.123.000	3

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Nguồn gốc	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Đường dùng	Tiêu chuẩn chất lượng	Số đăng ký/ Số PPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
41	210	2	Xích thực chích rượu	Radix Paeoniae	B	Rễ	Sao vàng	Uống	TCCS	1813/BYT- YDCT	Công Ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Kg	47	315.000	14.805.000	3
Tổng cộng mặt hàng: 41; Tổng giá trị trúng thầu:																			4.936.421.500

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch
-	80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
80	-	-	-	-	-	30	-	-	-	40	-	-
-	80	-	-	-	-	-	80	-	-	-	120	-
80	160	-	-	-	-	20	70	-	-	40	120	-
-	-	-	-	-	-	30	20	-	-	60	-	-
-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	120	-	-	-	-	-	60	-	-	-	30	-
40	30	-	-	-	-	-	-	-	-	110	380	-
-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
40	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	100	-	-	-	-	20	40	-	-	-	-	-

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa lĩu	BV Nhi	BV Phôi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch
-	110	-	-	-	-	30	80	-	-	50	100	-
-	70	-	-	-	-	-	-	-	-	140	240	-
80	240	-	-	-	400	-	60	-	-	110	100	-
-	-	-	-	-	-	30	40	-	-	-	100	-
80	200	-	-	-	-	-	80	-	-	110	80	-
160	160	-	-	-	-	7	80	-	-	110	310	-
-	110	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
80	240	-	-	-	-	7	70	-	-	80	120	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40	-	-
-	80	-	-	-	-	40	50	-	-	-	40	-
-	60	-	-	-	-	20	-	-	-	70	-	-
80	110	-	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa lĩu	BV Nhi	BV Phôi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch
80	40	-	-	-	-	7	30	-	-	-	-	-
-	70	-	-	-	40	-	80	-	-	80	50	-
-	60	-	-	-	-	40	40	-	-	20	-	-
-	70	-	-	-	-	-	40	-	-	110	300	-
-	20	-	-	-	-	60	-	-	-	20	-	-
-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40	-
80	110	-	-	-	-	20	30	-	-	-	260	-
-	80	-	-	-	-	-	30	-	-	30	60	-
-	-	-	-	-	-	40	3	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	20	4	-	-	-	-	-
-	100	-	-	-	-	-	30	-	-	60	110	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	40	-	-	-	-	20	30	-	-	-	70	-
-	30	-	-	-	-	30	30	-	-	-	50	-

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa lĩu	BV Nhi	BV Phĩi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch
-	40	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-
346.960.000	898.450.000	'	'	'	50.370.000	187.095.000	391.361.000	'	'	313.577.500	747.187.500	'

TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	110	-
-	60	110	40	-	-	-	-	-	-	-	110	-
20	-	60	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	60	30	30	-	-	-	-	-	-	-	80	-
20	-	60	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	60	30	40	-	-	-	-	-	-	-	140	-

TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2
30	110	80	50	-	-	-	-	-	-	-	100	-
20	160	40	30	-	-	-	-	-	-	-	20	-
30	160	60	120	-	-	-	-	-	-	-	70	-
20	80	30	40	-	-	-	-	-	-	-	30	-
30	40	110	30	-	-	-	-	-	-	-	200	-
60	70	-	40	-	-	-	-	-	-	-	200	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	200	-
30	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	-	40	40	-	-	-	-	-	-	-	40	-
20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-
-	80	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2
-	20	-	40	-	-	-	-	-	-	-	90	-
-	110	30	60	-	-	-	-	-	-	-	70	-
-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	20	-
20	60	40	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	30	30	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	20	-
20	20	-	40	-	-	-	-	-	-	-	200	-
-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	20	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	120	60	30	-	-	-	-	-	-	-	140	-
7	40	-	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	40	20	-	-	-	-	-	-	-	60	-
-	7	20	30	-	-	-	-	-	-	-	40	-

TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
120.692.500	396.928.000	280.217.500	390.815.000	'	'	'	'	'	'	'	812.767.500	'

Trung tâm nghiên	Bệnh xá công an tỉnh
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-

Trung tâm nghiên	Bệnh xá công an tỉnh
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-

Trung tâm nghiên	Bệnh xá công an tỉnh
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-

Trung tâm nghiên	Bệnh xá công an tỉnh
-	-
1	